

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Trần Nguyễn Văn Anh**
Mã học sinh: **B07 - 01**

Giới tính: **N**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN					0.0	7.0					8.0							5.8
2	Vx T Lh					6.0						5.0							5.3
3	HOĆ Ḥ C					5.0						6.0							5.7
4	SINH Vx T					9.0						6.0							7.0
5	TIN Ḥ C					5.0													5.0
6	Vl N Ḥ C					2.0	9.0					6.0							5.8
7	L CH S					10.0	9.0												9.5
8	η A Lh					8.0						8.0							8.0
9	NGOỹ I NG'					7.0	8.0					7.0							7.3
10	GDCD					9.0	4.0					7.0							6.8
11	CĐNG NGḤ					6.0						7.0							6.7
12	THq D C					η	η					η							η
13	GDQP																		
14	NGHlj PT					7.0	9.0					9.0	5.0						7.3
15																			

Điểm TBCM: **6.6**
Hạng: **Khá**
Danh hiệu:
Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Thể thao**

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT CẤP A GVCN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG I Q M GIẤY A H C KQ I

Họ và tên: **Phạm Nguyễn Lê Danh**
Mã học sinh: **B07 - 02**

Giới tính: **Nam**
Lớp học: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					6.0	7.0					8.0								7.3	
2	Vx T Lh					2.0						4.0								3.3	
3	HOĆ Ḥ C					5.0						8.0								7.0	
4	SINH Vx T					3.0						4.0								3.7	
5	TIN Ḥ C					3.0														3.0	
6	Vl N Ḥ C					3.0	7.0					5.0								5.0	
7	L CH S					7.0	3.0													5.0	
8	η A Lh					6.0						6.0								6.0	
9	NGOỹ I NG'					3.0	7.0					3.0								4.0	
10	GDCD					7.0	7.0					7.0								7.0	
11	CỔNG NGḤ					6.0						8.0								7.3	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					6.0	9.0					5.0	5.0							5.8	
15																					

Điểm TB CM : **5.3**
Hạng : **Y**
Danh hiệu :
Chuyên ngành : **Nghệ thuật** / **K. nghệ thuật** / **Trình độ** :

Hình thức :

học Kĩ năng A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn
Mã học sinh: B07 - 03

Giới tính: Nam
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					0.0	7.0					6.0								4.8	
2	Vx T Lh					3.0						1.0								1.7	
3	HOĆ Ḥ C					1.0						2.0								1.7	
4	SINH Vx T					0.0						5.0								3.3	
5	TIN Ḥ C					5.0														5.0	
6	Vl N Ḥ C					2.0	7.0					3.0								3.8	
7	L CH S					2.0	1.0													1.5	
8	η A Lh					1.0						7.0								5.0	
9	NGOỹ I NG'					3.0	6.0					1.0								2.8	
10	GDCD					9.0	5.0					3.0								5.0	
11	CỔNG NGḤ					2.0						7.0								5.3	
12	THq D C					η	η													η	
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					6.0	8.0					5.0	6.0							6.0	
15																					

Điểm TBCM: 3.6
Hình thức: Kém
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / Kỹ thuật / Thể thao

Điểm KẾT QUẢ PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT CẤP A GVCN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU NHẬN GIẤY A H C KQ I

Họ và tên: **Phạm Nguyễn Văn**
Mã học sinh: **B07 - 04**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					4.0	6.0					8.0								6.5	
2	Vx T Lh					6.0						3.0								4.0	
3	HOĆ Ḥ C					4.0						5.0								4.7	
4	SINH Vx T					3.0						5.0								4.3	
5	TIN Ḥ C					4.0														4.0	
6	Ṿ N Ḥ C					2.0	7.0					6.0								5.3	
7	Ḷ CH Ṣ					8.0	4.0													6.0	
8	̣ A Lh					5.0														5.0	
9	NGỌ I NG'					5.0	2.0					2.0								2.8	
10	GDCD					7.0	6.0					6.0								6.3	
11	CĐNG NGḤ					8.0						7.0								7.3	
12	THq Ḍ C					̣	̣													̣	
13	GDQP																				
14	NGḤ PT					8.0	9.0					6.0	6.0							6.8	
15																					

Điểm TBCM: **5.1**
Hạng: **Y**
Danh hiệu: **Học sinh giỏi**
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

Điểm KQ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Trần Huy H**
Mã học sinh: **B07 - 05**

Giới tính: **Nam**
Lớp học: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					4.0	3.0					6.0							4.8
2	Vx T Lh					2.0						2.0							2.0
3	HOĆ Ḥ C					3.0						4.0							3.7
4	SINH Vx T					6.0						5.0							5.3
5	TIN Ḥ C					8.0													8.0
6	VĬ N Ḥ C					1.0	10.0					4.0							4.8
7	Lĭ CH Sĭ					7.0	6.0												6.5
8	ņ\ A Lh					8.0						8.0							8.0
9	NGOỠ I NG'					5.0	6.0					8.0							6.8
10	GDCD					9.0	6.0					7.0							7.3
11	CỔNG NGH'					5.0						7.0							6.3
12	THq Dĭ C					ņ	ņ					ņ							ņ
13	GDQP																		
14	NGHĬ PT					8.0	9.0					7.0	6.0						7.2
15																			

Điểm TBCM: **5.8**
Hạng: **Y**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật**

Hình thức:

/ K. nghệ thuật / Tr. học:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG IQU M GIẤY A H C Kđ I

Họ và tên: Trfn Thu H
Mã H c sinh: B07 - 06

Gi i tnh: N
L p h c: 11A07

KET QU H C TXP

TT	MĐNH C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIET							
1	TOÁN					0.0	7.0					8.0							5.8
2	Vx T Lh					5.0						5.0							5.0
3	HO C H C					2.0						1.0							1.3
4	SINH Vx T					4.0						6.0							5.3
5	TIN H C					5.0													5.0
6	Vl N H C					3.0	9.0					5.0							5.5
7	L CH S					7.0	5.0												6.0
8	h A Lh					8.0						9.0							8.7
9	NGOĨ I NG					5.0	2.0					8.0							5.8
10	GDCD					7.0	6.0					7.0							6.8
11	CĐNG NGH					5.0						7.0							6.3
12	THq D C					h	Cq					h							h
13	GDQP																		
14	NGHj PT					8.0	8.0					7.0	5.0						6.7
15																			

h iWh TBCM: 5.6
H c l c: YJh
Danh h' u:
Chuy n cfn: Ngh" c ph: / K.ph: / Tr h c:

Hnh kiWh:

h KI N C, A PHHS

Ng y 14 thng 11 nEm 2015
NHx N XET C, A GVCN

TRBN QU C TUr N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỶ

Họ và tên: Phan Minh Hiên
Mã học sinh: B07 - 07

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					1.0	2.0					7.0								4.3	
2	Vx T Lh					2.0						0.0								0.7	
3	HOĆ Ḥ C					6.0						8.0								7.3	
4	SINH Vx T					5.0						7.0								6.3	
5	TIN Ḥ C					1.0														1.0	
6	Ṿ N Ḥ C					2.0	5.0					3.0								3.3	
7	Ḷ CH Ṣ					9.0	5.0													7.0	
8	̣ A Lh					6.0						3.0								4.0	
9	NGỌy I NG'					4.0	6.0					4.0								4.5	
10	GDCD					7.0	5.0					3.0								4.5	
11	CĐNG NGḤ					3.0						7.0								5.7	
12	THq Ḍ C					̣	̣					̣								̣	
13	GDQP																				
14	NGḤ PT					8.0	10.0					6.0	7.0							7.3	
15																					

Điểm TBCM: 4.4
Điểm: Kém
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV CN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Trần Hoàng**
Mã học sinh: **B07 - 08**

Giới tính: **Nam**
Lớp học: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					4.0	4.0					5.0								4.5	
2	Vx T Lh					2.0						5.0								4.0	
3	HOĆ Ḥ C					8.0						3.0								4.7	
4	SINH Vx T					3.0						7.0								5.7	
5	TIN Ḥ C					4.0														4.0	
6	V. N Ḥ C					3.0	7.0					4.0								4.5	
7	L, CH S,					8.0	6.0													7.0	
8	η, A Lh					7.0						7.0								7.0	
9	NGOỠ I NG'					8.0	4.0					4.0								5.0	
10	GDCD					9.0	6.0					6.5								7.0	
11	CỔNG NGH'					5.0						7.0								6.3	
12	THq D, C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					8.0	9.0					8.0	5.0							7.2	
15																					

Điểm TBCM: **5.4**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền hình**

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT CẤP A GVCN

TRƯỜNG QUẢN LÝ TUỔI

PHIẾU ỨNG I Q M GIẤY A H C KQ I

Họ và tên: Nguyễn Tấn Hân
Mã học sinh: B07 - 09

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					5.0	7.0					8.0								7.0	
2	Vx T Lh					6.0						3.0								4.0	
3	HOĆ Ḥ C					2.0						2.0								2.0	
4	SINH Vx T					4.0						3.0								3.3	
5	TIN Ḥ C					7.0														7.0	
6	Vl N Ḥ C					2.0	7.0					2.0								3.3	
7	L CH S					10.0	4.0													7.0	
8	η A Lh					5.0						5.0								5.0	
9	NGOỹ I NG'					5.0						3.0								3.7	
10	GDCD					7.0						1.0								3.0	
11	CĐNG NGH'											9.0								9.0	
12	THq D C					η														η	
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					8.0	6.0					5.0	6.0							6.0	
15																					

Điểm TB CM: 4.9
Hạng: Y
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV CN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU NHẬN KẾT QUẢ THI

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Huy Giới tính: Nam
Mã học sinh: B07 - 10 Lớp: 11A07

KẾT QUẢ THI

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIỂ T									
1	TOÁN					2.0	7.0					7.0								5.8	
2	Vx T Lh					6.0						5.0								5.3	
3	HOĆ Ḥ C					1.0						3.0								2.3	
4	SINH Vx T					9.0						6.0								7.0	
5	TIN Ḥ C					5.0														5.0	
6	Ṿ N Ḥ C					3.0	6.0					4.0								4.3	
7	Ḷ CH Ṣ					5.0	7.0													6.0	
8	̣ A Lh					7.0						8.0								7.7	
9	NGỌ I NG'					7.0	6.0					8.0								7.3	
10	GDCD					7.0	5.0					5.0								5.5	
11	CĐNG NGḤ					9.0						10.0								9.7	
12	THq Ḍ C					̣	̣					̣								̣	
13	GDQP																				
14	NGḤ PT					7.0	10.0					6.0	7.0							7.2	
15																					

Điểm trung bình: 6
Họ và tên: Nguyễn Ngọc Huy
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

Điểm thi: 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỶ

Họ và tên:

Trên Họ n Hng

Giới tính:

Nam

Mức Sinh:

B07 - 11

Lớp:

11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					4.0	10.0					8.0							7.5
2	Vx T Lh					8.0						5.0							6.0
3	HOĆ Ḥ C					8.0						8.0							8.0
4	SINH Vx T					10.0						7.0							8.0
5	TIN Ḥ C					10.0													10.0
6	V. N Ḥ C					3.0	10.0					5.0							5.8
7	L CH S.					8.0	8.0												8.0
8	η A Lh					7.0						9.0							8.3
9	NGOỠ I NG'					5.0	9.0					8.0							7.5
10	GDCD					7.0	5.0					6.0							6.0
11	CỔNG NGH'					10.0						10.0							10.0
12	THq D C					η	Cη					η							η
13	GDQP																		
14	NGHJ PT					7.0	10.0					9.0	7.0						8.2
15																			

Điểm TBCM:

7.7

Học lực:

Khá

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật

phẩm:

/

Kiểm định:

/

Trình độ:

Hình thức:

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

PHIẾU NGHIỆM GIẤY A H C K D I

Họ và tên: **Huỳnh Duy Khang**
Mã học sinh: **B07 - 12**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					2.0	0.0					5.0							3.0
2	Vx T Lh					7.0						3.0							4.3
3	HOĆ Ḥ C					3.0						5.0							4.3
4	SINH Vx T					4.0						5.0							4.7
5	TIN Ḥ C					8.0													8.0
6	V. N Ḥ C					2.0	6.0					2.0							3.0
7	L, CH S,					8.0	2.0												5.0
8	η, A Lh					6.0						7.0							6.7
9	NGOỠ I NG'					4.0	5.0					4.0							4.3
10	GDCD					7.0	5.0					6.0							6.0
11	CỔNG NGḤ					5.0						6.0							5.7
12	THq D, C					η	η					η							η
13	GDQP																		
14	NGHJ PT					5.0	5.0					5.0	5.0						5.0
15																			

Số tiết TBCM: **5**
Họ chữ: **YJ**
Danh hiệu:
Chuyên môn: **Nghệ thuật**

Hình ảnh:

Nghệ thuật / **K. nghệ thuật** / **Trình độ**

học Kĩ năng A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỲ I

Họ và tên: Mai Nguyễn Trung Kiên
Mã học sinh: B07 - 13

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					3.0	4.0					6.0								4.8	
2	Vx T Lh					2.0						3.0								2.7	
3	HOĆ Ḥ C					3.0						2.0								2.3	
4	SINH Vx T					8.0						3.0								4.7	
5	TIN Ḥ C					8.0														8.0	
6	V. N Ḥ C					3.0	4.0					4.0								3.8	
7	L, CH S,					8.0	1.0													4.5	
8	η, A Lh					7.0						8.0								7.7	
9	NGOỠ I NG'					6.0	3.0					1.0								2.8	
10	GDCD					7.0	6.0					3.0								4.8	
11	CỔNG NGH'					8.0						8.0								8.0	
12	THq D, C					η	η													η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					5.0	9.0					5.0	7.0							6.3	
15																					

Điểm TBCT: 4.9

Học lực: Yếu

Danh hiệu:

Chuyên môn: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015

NHÂN XÉT CỦA GV/CN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIẤY A4 C KỶ

Họ và tên: **Nguyễn Thị Minh**
Mã học sinh: **B07 - 14**

Giới tính: **Nữ**
Lớp học: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					0.0	6.0					8.0								5.5	
2	Vx T Lh					2.0						1.0								1.3	
3	HOĆ Ḥ C					2.0						4.0								3.3	
4	SINH Vx T					6.0						5.0								5.3	
5	TIN Ḥ C					7.0														7.0	
6	V. N Ḥ C					4.0	10.0					5.0								6.0	
7	L, CH S,					9.0	3.0													6.0	
8	η, A Lh					5.0						6.0								5.7	
9	NGOỠ I NG'						6.0					4.0								4.7	
10	GDCD					9.0	4.0					9.0								7.8	
11	CỔNG NGH'					4.0						9.0								7.3	
12	THq D, C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	9.0					6.0	6.0							6.7	
15																					

Điểm TBCM: **5.4**
Hạng loại: **Y**
Danh hiệu: **Học sinh giỏi**
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền hình**

Điểm KIỂM TRA A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG LƯỢNG GIÁO ÁN C KĐ I

Họ và tên: **Sỹn Vĩ t Long**
Mã học sinh: **B07 - 15**

Giới tính: **Nam**
Lớp học: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					2.0	5.0					6.0							4.8		
2	Vx T Lh					5.0						5.0							5.0		
3	HOĆ Ḥ C					1.0						2.0							1.7		
4	SINH Vx T					6.0						7.0							6.7		
5	TIN Ḥ C					6.0													6.0		
6	Vl N Ḥ C					3.0	10.0					6.0							6.3		
7	L CH S					9.0	6.0												7.5		
8	η A Lh					5.0						7.0							6.3		
9	NGOỹ I NG'					5.0	3.0					3.0							3.5		
10	GDCD					9.0	5.0					6.0							6.5		
11	CỔNG NGḤ					4.0						7.0							6.0		
12	THq D C					η	η					η							η		
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					7.0	9.0					6.0	6.0						6.7		
15																					

Điểm TBCM: **5.5**
Hạng: **Y**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật**

Hình thức:

/ K. nghệ: / Tr. học:

học KIỂM TRA PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C. A GVCN

TRƯỜNG QU. C TỰ N

PHIẾU ỨNG I Q M GIẤY A H C KQ I

Họ và tên: **Phạm Hữu Minh**
Mã học sinh: **B07 - 16**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					2.0	4.0					7.0								5.0	
2	Vx T Lh					7.0						5.0								5.7	
3	HOĆ Ḥ C					3.0						4.0								3.7	
4	SINH Vx T					8.0						6.0								6.7	
5	TIN Ḥ C					3.0														3.0	
6	V. N Ḥ C					3.0	7.0					6.0								5.5	
7	L CH S.					9.0	5.0													7.0	
8	η A Lh					1.0						4.0								3.0	
9	NGOỠ I NG'					7.0	5.0					4.0								5.0	
10	GDCD					9.0	5.0					2.5								4.8	
11	CỔNG NGḤ					5.0						8.0								7.0	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					9.0	9.0					6.0	6.0							7.0	
15																					

Điểm TBCM: **5.1**
Hạng: **Y**
Danh hiệu: **Hình thức:**
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ:**

học Kĩ Năng A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV CN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG I Q M GIẤY A H C KQ I

Họ và tên:

Nguyen Thinh M:

Giới tính:

Nam

Mã học sinh:

B07 - 17

Lớp học:

11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					6.0	6.0					8.0							7.0		
2	Vx T Lh					1.0						1.0							1.0		
3	HOĆ Ḥ C					3.0						3.0							3.0		
4	SINH Vx T					1.0						4.0							3.0		
5	TIN Ḥ C					2.0													2.0		
6	Vl N Ḥ C					4.0	9.0					2.0							4.3		
7	L CH S					3.0	1.0												2.0		
8	η A Lh					5.0						7.0							6.3		
9	NGOỹ I NG'					2.0	5.0					4.0							3.8		
10	GDCD					7.0	5.0					3.0							4.5		
11	CĐNG NGH'											8.0							8.0		
12	THq D C					η	Cη					η							η		
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					7.0	8.0					5.0	5.0						5.8		
15																					

Điểm TBCM:

4.1

Học lực:

Kém

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. học:

học KIỂM TRA A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C. A GVCN

TRƯỜNG QU. C TỰ N

PHIẾU NHẬN KẾT QUẢ THI

Họ và tên: Trần Văn Nghĩa
Mã học sinh: B07 - 18

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ THI

TT	MĐN H̃ C	H̃ S' 1										H̃ S' 2						KT HK	TB Môn
		MỈ NG				15 PHÚT						1 TIỂ T							
1	TOÁN					4.0	7.0					8.0							6.8
2	Vx T Lh					3.0						5.0							4.3
3	HOĆ H̃ C					4.0						7.0							6.0
4	SINH Vx T					5.0						6.0							5.7
5	TIN H̃ C					3.0													3.0
6	Vl N H̃ C					3.0	8.0					6.0							5.8
7	L CH S					8.0	1.0												4.5
8	q A Lh					5.0						6.0							5.7
9	NGOỠ I NG					5.0	3.0					3.0							3.5
10	GDCD					7.0	5.0					2.0							4.0
11	CĐNG NGH					8.0						8.0							8.0
12	THq D C																		
13	GDQP																		
14	NGHl PT					8.0	10.0					5.0	6.0						6.7
15																			

Ngày thi: 5.2
Họ và tên: Nguyễn Văn Nghĩa
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

Hình ảnh:

học sinh Nguyễn Văn Nghĩa

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT CÁN BỘ GIÁO DỤC

TRƯỜNG THPT LÊ THỊ TRỌNG

PHIẾU ỨNG I Q M GIẤY A H C KQ I

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Kim Nguyễn
Mã học sinh: B07 - 19

Giới tính: Nữ
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					0.0	7.0					8.0							5.8
2	Vx T Lh					4.0						3.0							3.3
3	HOĆ Ḥ C					1.0						3.0							2.3
4	SINH Vx T					8.0						6.0							6.7
5	TIN Ḥ C					8.0													8.0
6	VĬ N Ḥ C					3.0	10.0					7.0							6.8
7	LĬ CH SĬ					9.0	4.0												6.5
8	Ĥ A Lh					9.0						6.0							7.0
9	NGOỠ I NG'					4.0	7.0					7.0							6.3
10	GDCD					9.0	6.0					7.0							7.3
11	CỔNG NGH'					4.0						7.0							6.0
12	THq DĬ C					Ĥ	CĤ					Ĥ							Ĥ
13	GDQP																		
14	NGHĬ PT					8.0	9.0					6.0	6.0						6.8
15																			

Điểm TB CM : 6
Họ và tên : YJ
Danh hiệu :
Chuyên ngành : Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. học :

học KIỂM TRA A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY A H C KQ I

Họ và tên: Nguyễn Trần Thọ Nhi
Mã học sinh: B07 - 20

Giới tính: Nữ
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					6.0	8.0					8.0								7.5	
2	Vx T Lh					5.0						5.0								5.0	
3	HOĆ Ḥ C					2.0						2.0								2.0	
4	SINH Vx T					2.0						1.0								1.3	
5	TIN Ḥ C					9.0														9.0	
6	Vl N Ḥ C					3.0	10.0					5.0								5.8	
7	L CH S					8.0	6.0													7.0	
8	η A Lh					7.0						8.0								7.7	
9	NGOỠ I NG'					8.0	5.0					2.0								4.3	
10	GDCD					9.0	5.0					7.0								7.0	
11	CỔNG NGḤ					5.0						7.0								6.3	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHl PT					8.0	9.0					8.0	5.0							7.2	
15																					

Chỉ số TBCM: 5.7
Hạng: Y
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. học:

Hình ảnh:

học Kĩ năng A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT C. A GVCN

TRƯỜNG QU. C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY A H C K D I

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung
Mã học sinh: B07 - 21

Giới tính: Nữ
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					2.0	10.0					8.0							7.0
2	Vx T Lh					6.0						6.0							6.0
3	HOĆ Ḥ C					5.0						9.0							7.7
4	SINH Vx T					8.0						6.0							6.7
5	TIN Ḥ C					6.0													6.0
6	VĬ N Ḥ C					4.0	7.0					6.0							5.8
7	Lĭ CH Sĭ					8.0	10.0												9.0
8	ġ A Lh					9.0						10.0							9.7
9	NGOŷ I NG'					6.0	10.0					9.0							8.5
10	GDCD					9.0	5.0					7.0							7.0
11	CĐNG NGḤ					10.0						10.0							10.0
12	THq Dĭ C					ġ	ġ					ġ							ġ
13	GDQP																		
14	NGHĲ PT					7.0	9.0					6.0	7.0						7.0
15																			

Chỉ số TBCM: 7.6

Học lực: Khá

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên môn: Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trình độ:

Điểm KẾT A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015

NHÂN XÉT CỦA GV CN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: Tô Thanh Phú
Mã học sinh: B07 - 22

Giới tính: Nữ
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H̃ C	H̃ S' 1										H̃ S' 2						KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIε T							
1	TOÁN																		
2	Vx T Lh																		
3	HOĆ H̃ C																		
4	SINH Vx T																		
5	TIN H̃ C																		
6	VĬ N H̃ C																		
7	Lĭ CH Sĭ																		
8	ņ\ A Lh																		
9	NGOỹ I NG'																		
10	GDCD																		
11	CỔNG NGH̃																		
12	THq Dĭ C																		
13	GDQP																		
14	NGHĬ PT						5.0					5.0	5.0					5.0	
15																			

Ngày nhận TBCM :
Họ và tên :
Danh hiệu :
Chuyên môn :
Nghị quyết pháp : / K. pháp : / Trách nhiệm :

Hình ảnh :

học KIỂM TRA A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV CN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG I Q M GIẤY A H C K D I

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Thanh Phúc
Mã học sinh: B07 - 23

Giới tính: Nam
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H̃ C	H̃ S' 1										H̃ S' 2						KT HK	TB Môn
		MÌ NG				15 PHÚT						1 TIỂ T							
1	TOÁN					6.0	6.0					8.0							7.0
2	Vx T Lh					5.0						5.0							5.0
3	HOĆ H̃ C					1.0						4.0							3.0
4	SINH Vx T					6.0						6.0							6.0
5	TIN H̃ C					8.0													8.0
6	V. N H̃ C					5.0	8.0					4.0							5.3
7	L, CH S,					10.0	6.0												8.0
8	η, A Lh					6.0						8.0							7.3
9	NGOỠ I NG'					4.0	7.0					4.0							4.8
10	GDCD					7.0	5.0					5.0							5.5
11	CỔNG NGH'					6.0						8.0							7.3
12	THq D, C					η	η					η							η
13	GDQP																		
14	NGHJ PT					7.0	9.0					6.0	7.0						7.0
15																			

Điểm TBCM: 6.1
Hạng loại: YJ
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trình độ:

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: Nguyễn Trung Quốc
Mã học sinh: B07 - 24

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					0.0	6.0					6.0								4.5	
2	Vx T Lh					3.0						5.0								4.3	
3	HOĆ Ḥ C					0.0						2.0								1.3	
4	SINH Vx T					4.0						4.0								4.0	
5	TIN Ḥ C					5.0														5.0	
6	V. N Ḥ C					3.0	9.0					4.0								5.0	
7	L CH S.					7.0	4.0													5.5	
8	η A Lh					4.0						9.0								7.3	
9	NGOỠ I NG'					4.0	4.0					3.0								3.5	
10	GDCD					9.0	5.0					7.0								7.0	
11	CỔNG NGḤ					5.0						6.0								5.7	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	9.0					8.0	5.0							7.0	
15																					

Điểm TBCM: 4.8
Hình thức: Kém
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT CẤP A GVCN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên:

Vũ Lê Thị Qui

Giới tính:

Nam

Mã học sinh:

B07 - 25

Lớp học:

11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H̃ C	H̃ S' 1										H̃ S' 2								KT HK	TB Môn
		MÌ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					2.0	8.0					8.0								6.5	
2	Vx T Lh					5.0						3.0								3.7	
3	HOĆ H̃ C					4.0						6.0								5.3	
4	SINH Vx T					5.0						6.0								5.7	
5	TIN H̃ C					6.0														6.0	
6	Vl N H̃ C					2.0	7.0					2.0								3.3	
7	L CH S					8.0	4.0													6.0	
8	η A Lh					5.0						7.0								6.3	
9	NGOỠ I NG'					5.0	4.0					3.0								3.8	
10	GDCD					7.0	5.0					3.0								4.5	
11	CỔNG NGH'					8.0						8.0								8.0	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	10.0					6.0	7.0							7.2	
15																					

Điểm TBCM:

5.4

Học lực:

Y

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật

phẩm:

/

Kiểm định:

/

Trình độ:

Hình thức:

học KẾ HOẠCH A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG LƯỢNG GIÁO ÁN C KĐ I

Họ và tên: **Huỳnh Chấn Quý**
Mã học sinh: **B07 - 26**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					0.0	8.0					8.0							6.0		
2	Vx T Lh					5.0						8.0							7.0		
3	HOĆ Ḥ C					3.0						5.0							4.3		
4	SINH Vx T					7.0						6.0							6.3		
5	TIN Ḥ C					7.0													7.0		
6	Vl N Ḥ C					3.0	10.0					5.0							5.8		
7	L CH S					10.0	6.0												8.0		
8	η A Lh					8.0						8.0							8.0		
9	NGOỹ I NG'					5.0	3.0					3.0							3.5		
10	GDCD					9.0	5.0					5.0							6.0		
11	CĐNG NGḤ					8.0						9.0							8.7		
12	THq D C					η	Cη					η							η		
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					8.0	10.0					6.0	7.0						7.3		
15																					

Điểm TBCM: **6.4**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền thông**

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Trần Anh Tuấn**
Mã học sinh: **B07 - 27**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					6.0	10.0					10.0								9.0	
2	Vx T Lh					5.0						5.0								5.0	
3	HOĆ Ḥ C					4.0						3.0								3.3	
4	SINH Vx T					2.0						5.0								4.0	
5	TIN Ḥ C					7.0														7.0	
6	Vl N Ḥ C					2.0	9.0					2.0								3.8	
7	L CH S					8.0	3.0													5.5	
8	η A Lh					2.0						9.0								6.7	
9	NGOỹ I NG'					8.0	8.0					5.0								6.5	
10	GDCD					7.0	5.0					4.5								5.3	
11	CĐNG NGH'					5.0						10.0								8.3	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHlj PT					7.0	9.0					8.0	6.0							7.3	
15																					

Điểm TBCT: **5.9**

Học lực: **Y**

Danh hiệu:

Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trang trí**

Hình thức:

Điểm KIỂM TRA PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015

NHÀN XÉT CỦA GV

TRƯỜNG QUỐC TỬ

PHIẾU ỨNG IQU M GIẤY A H C Kđ I

Họ và tên: **Huỳnh Thiến Thanh**
Mã học sinh: **B07 - 28**

Giới tính: **Nam**
Lớp học: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					4.0	7.0					6.0								5.8	
2	Vx T Lh					4.0						5.0								4.7	
3	HOĆ Ḥ C					1.0						3.0								2.3	
4	SINH Vx T					3.0						5.0								4.3	
5	TIN Ḥ C					8.0														8.0	
6	VĬ N Ḥ C					1.0	8.0					2.0								3.3	
7	Lĭ CH Sĭ					7.0	3.0													5.0	
8	ġ A Lh					3.0						3.0								3.0	
9	NGOŷ I NG'					5.0	7.0					3.0								4.5	
10	GDCD					7.0	5.0					5.0								5.5	
11	CĐNG NGH'					3.0						7.0								5.7	
12	THq Dĭ C					ġ	ġ					ġ								ġ	
13	GDQP																				
14	NGHĲ PT					5.0	9.0					5.0	5.0							5.7	
15																					

Điểm TB CM: **4.7**
Hạng loại: **YJ**
Danh hiệu:
Chuyên cấp: **Nghệ thuật** / **K. nghệ thuật** / **Trình độ**:

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV CN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIẤY A4 KỶ

Họ và tên: **Phạm Thị Phương Thảo**
Mã học sinh: **B07 - 29**

Giới tính: **N**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					4.0	4.0					8.0								6.0	
2	Vx T Lh					6.0						5.0								5.3	
3	HOĆ Ḥ C					3.0						4.0								3.7	
4	SINH Vx T					6.0						5.0								5.3	
5	TIN Ḥ C					8.0														8.0	
6	Vl N Ḥ C					4.0	9.0					5.0								5.8	
7	L CH S					9.0	2.0													5.5	
8	η A Lh					7.0						6.0								6.3	
9	NGOỹ I NG'					7.0	8.0					6.0								6.8	
10	GDCD					9.0	4.0					5.0								5.8	
11	CĐNG NGḤ					5.0						8.0								7.0	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					8.0	9.0					6.0	6.0							6.8	
15																					

Điểm TBCM: **6**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền hình**

Điểm KẾT A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Đặng Quang Thiện**
Mã học sinh: **B07 - 30**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					6.0	7.0					8.0								7.3	
2	Vx T Lh					3.0						3.0								3.0	
3	HOĆ Ḥ C					7.0						7.0								7.0	
4	SINH Vx T					8.0						5.0								6.0	
5	TIN Ḥ C					2.0														2.0	
6	Vl N Ḥ C					2.0	7.0					1.0								2.8	
7	L CH S					8.0	3.0													5.5	
8	η A Lh					6.0						4.0								4.7	
9	NGOỹ I NG'					8.0	8.0					6.0								7.0	
10	GDCD					7.0	6.0					2.0								4.3	
11	CỔNG NGḤ					4.0						8.0								6.7	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					8.0	10.0					6.0	6.0							7.0	
15																					

Ngày làm bài: **5.1**
Họ và tên: **YJ**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật**

Hình ảnh:

/ K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

học sinh, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV

TRƯỜNG QUỐC TỬ

PHIẾU ỨNG IQU M GIẤY A H C Kđ I

Họ và tên: Trfn L° M, ng ThĐ ng
Mã H c sinh: B07 - 31

Gi i tnh: N
L p h c: 11A07

Kε T QUũ H C Tx P

TT	MĐNH C	H S 1										H S 2								KT HK	TB Môn
		MĨ NG				15 PHÚT						1 TIε T									
1	TOÁN					2.0	8.0					8.0								6.5	
2	Vx T Lh					8.0						2.0								4.0	
3	HOĆ H C					5.0						5.0								5.0	
4	SINH Vx T					7.0						6.0								6.3	
5	TIN H C					7.0														7.0	
6	Vl N H C					2.0	10.0					4.0								5.0	
7	L CH S					9.0	5.0													7.0	
8	η A Lh					1.0						8.0								5.7	
9	NGOỹ I NG					7.0	7.0					5.0								6.0	
10	GDCD					9.0	5.0					3.0								5.0	
11	CỔNG NGH					7.0						9.0								8.3	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	8.0					6.0	7.0							6.8	
15																					

η iWh TBCM: 6
H c l c: Trung Bình
Danh hĩ u:
Chuy°n cfn: Ngh" c ph@: / K.ph@: / Tr h c:

h KIε N C, A PHHS

Ng y 14 th§ng 11 nŁm 2015
NHx N XET C, A GVCN

TRĐiN QU C TU T N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Phạm Trần Thị**
Mã học sinh: **B07 - 32**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H' C	H' S' 1										H' S' 2						KT HK	TB Môn
		Mİ' NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					0.0	7.0					6.0							4.8
2	Vx T Lh					5.0						3.0							3.7
3	HOĆ H' C					5.0						2.0							3.0
4	SINH Vx T					3.0						5.0							4.3
5	TIN H' C					7.0													7.0
6	Vİ N H' C					3.0	9.0					5.0							5.5
7	L CH S					4.0	2.0												3.0
8	η A Lh					6.0						7.0							6.7
9	NGOỠ I NG'					3.0	3.0					4.0							3.5
10	GDCD					9.0	5.0					5.0							6.0
11	CỔNG NGH'											9.0							9.0
12	THq D C					η	Cη					η							η
13	GDQP																		
14	NGHJ PT					7.0	9.0					7.0	6.0						7.0
15																			

Điểm TBCM: **5.1**
Hạng: **Y**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Khoa** / **Trường**

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỶ

Họ và tên: L. Huân Trần
Mã học sinh: B07 - 33

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					1.0	1.0					3.0								2.0	
2	Vx T Lh					2.0						2.0								2.0	
3	HOĆ Ḥ C					1.0						2.0								1.7	
4	SINH Vx T					0.0						5.0								3.3	
5	TIN Ḥ C					2.0														2.0	
6	V. N Ḥ C					4.0	7.0					4.0								4.8	
7	L, CH S,					1.0	5.0													3.0	
8	η, A Lh					5.0						8.0								7.0	
9	NGOỠ I NG'					2.0	4.0					6.0								4.5	
10	GDCD					9.0	3.0					4.0								5.0	
11	CỔNG NGḤ					3.0						9.0								7.0	
12	THq D, C					η	η													η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					5.0	9.0					5.0	6.0							6.0	
15																					

Điểm TBCT: 3.8
Điểm: Kém
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / Kỹ thuật / Thể thao

Điểm KẾT QUẢ PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C. A GVCN

TRƯỜNG QU. C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỶ

Họ và tên: **Trần Minh Trọng**
Mã học sinh: **B07 - 34**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN					5.0	10.0					8.0							7.8
2	Vx T Lh					5.0						5.0							5.0
3	HOĆ H C					10.0						8.0							8.7
4	SINH Vx T					9.0						5.0							6.3
5	TIN H C					7.0													7.0
6	V. N H C					2.0	9.0												5.5
7	L CH S					6.0	5.0												5.5
8	η A Lh					8.0						8.0							8.0
9	NGOŷ I NG					5.0	7.0					5.0							5.5
10	GDCD					7.0	5.0					5.0							5.5
11	CĐNG NGH					5.0						7.0							6.3
12	THq D C					η	η					η							η
13	GDQP																		
14	NGHJ PT					8.0	9.0					9.0	6.0						7.8
15																			

Điểm trung bình môn: **6.5**
Hạng loại: **Khá**
Danh hiệu: **Học sinh giỏi**
Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Thể thao**

Điểm trung bình môn: **6.5**

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ N XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KQ I

Họ và tên: Nguyễn Nguyễn Thanh T

Mã học sinh: B07 - 35

Giới tính: Nam

Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H' C	H' S' 1										H' S' 2								KT HK	TB Môn
		Mİ' NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					2.0	8.0					8.0								6.5	
2	Vx T Lh					4.0						3.0								3.3	
3	HOĆ H' C					4.0						2.0								2.7	
4	SINH Vx T					4.0						6.0								5.3	
5	TIN H' C					6.0														6.0	
6	Vl N H' C					3.0	7.0					5.0								5.0	
7	L CH S					8.0	1.0													4.5	
8	η A Lh					5.0						9.0								7.7	
9	NGOỠ I NG'					5.0	2.0					4.0								3.8	
10	GDCD					7.0	5.0					5.0								5.5	
11	CỔNG NGH'					7.0						7.0								7.0	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					8.0	9.0					6.0	7.0							7.2	
15																					

Điểm TBCM: 5.2

Học lực: Y

Danh hiệu:

Chuyên môn: Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trình độ:

Hình thức:

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuy
Mã học sinh: B07 - 36

Giới tính: Nữ
Lớp học: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					6.0	8.0					6.0								6.5	
2	Vx T Lh					2.0						2.0								2.0	
3	HOĆ Ḥ C					6.0						5.0								5.3	
4	SINH Vx T					7.0						6.0								6.3	
5	TIN Ḥ C					6.0														6.0	
6	Ṿ N Ḥ C					3.0	8.0					4.0								4.8	
7	Ḷ CH Ṣ					8.0	1.0													4.5	
8	̣ A Lh					4.0						4.0								4.0	
9	NGỌ I NG'					7.0	5.0					2.0								4.0	
10	GDCD					9.0	6.0					4.0								5.8	
11	CĐNG NGḤ					7.0						8.0								7.7	
12	THq Ḍ C					̣	̣					̣								̣	
13	GDQP																				
14	NGḤ PT					5.0	9.0					5.0	5.0							5.7	
15																					

Điểm TBCM: 5.2
Hạng: Y
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN C KQ I

Họ và tên:

Vũ Phụng Uyển

Giới tính:

Nữ

Mã học sinh:

B07 - 37

Lớp học:

11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2						KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN					1.0	1.0					5.0							3.0
2	Vx T Lh					3.0						1.0							1.7
3	HOĆ Ḥ C					1.0						1.0							1.0
4	SINH Vx T					6.0						6.0							6.0
5	TIN Ḥ C					4.0													4.0
6	VĬ N Ḥ C					2.0	5.0					4.0							3.8
7	Lĭ CH Sĭ					1.0	4.0												2.5
8	ḡ A Lh					8.0						6.0							6.7
9	NGOỠ I NG'					5.0	3.0					2.0							3.0
10	GDCD					9.0	5.0					3.0							5.0
11	CỔNG NGH'					9.0						9.0							9.0
12	THq Dĭ C					ḡ	ḡ					ḡ							ḡ
13	GDQP																		
14	NGHĬ PT					8.0	9.0					5.0	6.0						6.5
15																			

Điểm TBCM:

4.2

Học lực:

Kém

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Trữ lượng:

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV CN

PHIẾU ỨNG LƯỢNG GIÁO ÁN C KQ I

Họ và tên: **Quan Ngọc Văn**
Mã học sinh: **B07 - 38**

Giới tính: **N**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		MĬ NG				15 PHÚT						1 TIẾ T									
1	TOÁN					2.0	3.0					7.0								4.8	
2	Vx T Lh					3.0						2.0								2.3	
3	HOĆ Ḥ C					2.0						3.0								2.7	
4	SINH Vx T					6.0						7.0								6.7	
5	TIN Ḥ C					5.0														5.0	
6	VĬ N Ḥ C					3.0	8.0					2.0								3.8	
7	Lĭ CH Sĭ					8.0	2.0													5.0	
8	ḡ A Lh					7.0						8.0								7.7	
9	NGOỠ I NG'					5.0	3.0					4.0								4.0	
10	GDCD					9.0	4.0					5.0								5.8	
11	CỔNG NGH'					9.0						10.0								9.7	
12	THq Dĭ C					ḡ	ḡ					ḡ								ḡ	
13	GDQP																				
14	NGHĬ PT					8.0	9.0					6.0	6.0							6.8	
15																					

Chỉ số TBCM: **5.2**

Học lực: **Y**

Danh hiệu:

Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

Hình thức:

học Kĩ năng, A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QU C TỰ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỶ

Họ và tên: **Trần Lê Văn**
Mã học sinh: **B07 - 39**

Giới tính: **N**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					0.0	5.0					7.0								4.8	
2	Vx T Lh					2.0						2.0								2.0	
3	HOĆ Ḥ C					4.0						1.0								2.0	
4	SINH Vx T					8.0						4.0								5.3	
5	TIN Ḥ C					5.0														5.0	
6	Vl N Ḥ C					2.0	7.0					6.0								5.3	
7	L CH S					7.0	5.0													6.0	
8	η A Lh					4.0						6.0								5.3	
9	NGOỹ I NG'						2.0					2.0								2.0	
10	GDCD					7.0	6.0					2.0								4.3	
11	CỔNG NGḤ					10.0						9.0								9.3	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	10.0					5.0	6.0							6.5	
15																					

Điểm TBCT: **4.7**
Hạng: **Y**
Danh hiệu:
Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

Điểm KẾT A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV

TRƯỜNG QU C TỰ

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: Nguyễn Thị Vinh
Mã học sinh: B07 - 40

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					3.0	9.0					8.0							7.0		
2	Vx T Lh					6.0						5.0							5.3		
3	HOĆ Ḥ C					3.0						5.0							4.3		
4	SINH Vx T					8.0						6.0							6.7		
5	TIN Ḥ C					5.0													5.0		
6	Vl N Ḥ C					3.0	8.0					6.0							5.8		
7	L CH S					9.0	7.0												8.0		
8	η A Lh					9.0						4.0							5.7		
9	NGOỹ I NG'					4.0	7.0					7.0							6.3		
10	GDCD					7.0	5.0					5.0							5.5		
11	CĐNG NGH'					4.0						7.0							6.0		
12	THq D C					η	η					η							η		
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	9.0					7.0	5.0						6.7		
15																					

Điểm TBCT: 6
Hạng: Trung Bình
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Điểm NCT, APHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU NGHIỆM GIẤY C KỶ

Họ và tên: Nguyễn Quang Vinh
Mã học sinh: B07 - 41

Giới tính: Nam
Lớp: 11A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H̃ C	H̃ S' 1										H̃ S' 2								KT HK	TB Môn
		MÌ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					6.0	9.0					8.0								7.8	
2	Vx T Lh					5.0						5.0								5.0	
3	HOĆ H̃ C					2.0						5.0								4.0	
4	SINH Vx T					3.0						4.0								3.7	
5	TIN H̃ C					5.0														5.0	
6	Vl N H̃ C					2.0	8.0					5.0								5.0	
7	L CH S					8.0	3.0													5.5	
8	η A Lh					6.0						5.0								5.3	
9	NGOỠ I NG'					8.0	7.0					6.0								6.8	
10	GDCD					7.0	5.0					4.0								5.0	
11	CỔNG NGH'					4.0						8.0								6.7	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					7.0	9.0					7.0	5.0							6.7	
15																					

Điểm TBCM: 5.4
Hình thức: Trung Bình
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / Kỹ thuật / Thể thao

Điểm KẾT QUẢ A PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÀ XÉT C, A GVCN

TRƯỜNG QUỐC TỬ N

PHIẾU ỨNG DỤNG GIÁO ÁN CẤP

Họ và tên: **Trần Phạm Anh Vũ**
Mã học sinh: **B07 - 42**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **11A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN Ḥ C	Ḥ S' 1										Ḥ S' 2								KT HK	TB Môn
		Ṃ NG				15 PHÚT						1 TIẾT									
1	TOÁN					1.0	7.0					8.0								6.0	
2	Vx T Lh					5.0						5.0								5.0	
3	HOĆ Ḥ C					0.0						1.0								0.7	
4	SINH Vx T					8.0						6.0								6.7	
5	TIN Ḥ C					1.0														1.0	
6	Vl N Ḥ C					2.0	7.0					5.0								4.8	
7	L CH S					4.0	1.0													2.5	
8	η A Lh					5.0						6.0								5.7	
9	NGOỠ I NG'					6.0	6.0					3.0								4.5	
10	GDCD					9.0	5.0					4.0								5.5	
11	CĐNG NGH'					5.0						9.0								7.7	
12	THq D C					η	η					η								η	
13	GDQP																				
14	NGHJ PT					9.0	9.0					5.0	6.0							6.7	
15																					

Điểm TBCM: **4.6**
Hạng: **Kém**
Danh hiệu:
Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Thể thao**

Hình thức:

Điểm KẾT QUẢ PHHS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015
NHÂN XÉT CỦA GV

TRƯỜNG QUỐC TỬ